TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/KDTM-ST
Ngày: 14/5/2019
Về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà ***Triệu Thúy Hà***.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà ***Hoàng Thị Hòa***

2. Ông ***Nguyễn Hữu Đệ***

- *Thư ký phiên toà:* Ông ***Nguyễn Đăng Hùng***– Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà ***Nguyễn Thị Việt Hà***- Kiểm sát viên.

Ngày 14/5/2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 16/2019/TLST-KDTM ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên toà số 08/2019/QĐST–KDTM ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần vật tư T Hà Nội.

Địa chỉ trụ sở: thôn Cố T, xã Hòa S, huyện Lương S, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Quang M. Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Ngọc T. Chức vụ: Phó Giám đốc (Giấy ủy quyền số 1115/UQ-THN ngày 15/11/2018 của Giám đốc Công ty cổ phần vật tư T Hà Nội). Có mặt

Bị đơn: Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng C

Địa chỉ trụ sở: Lô 66, xóm M, thôn Du N, xã Mai L, huyện A, thành phố Hà Nội

Địa chỉ liên hệ: Số 59, ngõ 529, đường Ngô Gia T, tổ 22, phường T, quận Long B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thúy Q. Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty cổ phần vật tư T Hà Nội trình bày trong đơn khởi kiện ngày 15/11/2018 và các bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền:

Công ty cổ phần vật tư T Hà Nội (gọi tắt là Công ty T Hà Nội) và Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và C xây dựng C (gọi tắt là Công ty C) có ký kết với nhau Hợp đồng kinh tế số 03/09/2017 HĐKT-VTHN-C ngày 03/9/2017 với nội dung: Công ty T Hà Nội bán cho Công ty C thép cốt bê tông cán nóng các loại do các nhà máy, đơn vị sản xuất; Số lượng và giá cả: Số lượng là tổng lượng hàng giao nhận thực tế và giá áp dụng từng thời điểm cho từng lô hàng được quy định hoặc thể hiện trong các văn bản giao hàng, báo giá hoặc các hóa đơn VATđược hai bên xác nhận hoặc đã kê khai thuế; Thời hạn thanh toán: Thanh toán trước hoặc ngay khi nhận hàng; quá thời hạn trên là vi phạm hợp đồng và phải chịu lãi suất quá hạn là 0,06%/ngày.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Ngày 05/9/2017, Công ty C trả trước 1.400.000.000 đồng.

Ngày 06/9/2017, Công ty C mua 1.420.519.370 đồng tiền hàng, cùng ngày Công ty C thanh toán thêm 700.000.000 đồng.

Ngày 07/9/2017, Công ty C mua thêm 918.913.960 đồng tiền hàng.

Tổng số tiền hàng Công ty C đã mua: 2.339.433.330 đồng. Số tiền đã thanh toán: 2.100.000.000 đồng. Theo Biên bản đối chiếu công nợ giữa Công ty T Hà Nội và Công ty C thì tính đến ngày 07/9/2017 Công ty C còn nợ Công ty T Hà Nội số tiền gốc là: 239.433.330 đồng.

Công ty T Hà Nội đã nhiều lần yêu cầu Công ty C thanh toán nốt số tiền hàng còn thiếu nhưng Công ty C chỉ trả được các khoản:

Ngày 27/4/2018, số tiền thanh toán: 20.000.000 đồng.

Ngày 29/6/2018, số tiền thanh toán: 10.000.000 đồng.

Ngày 14/8/2018, số tiền thanh toán: 10.000.000 đồng.

Tổng cộng: 40.000.000 đồng. Còn 199.433.330 đồng nợ gốc chưa thanh toán.

Nay Công ty T Hà Nội đề nghị Toà án xem xét buộc Công ty C phải có trách nhiệm thanh toán:

+ Nợ gốc: 199.433.330 đồng.

+ Nợ lãi tính đến ngày 15/10/2018 là 54.822.979 đồng và tiền lãi quá hạn trên dư nợ gốc kể từ ngày 15/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế.

Bị đơn Công ty cổ phần C do ông Trần Nhật H là người đại diện theo pháp luật (vào thời điểm ngày 26/3/2019) trình bày tại Bản tự khai: Nhất trí về toàn bộ quá trình ký kết và thực hiện Hợp đồng kinh tế số 03/09/2017 HĐKT-VTHN-C ngày 03/9/2017 giữa Công ty T Hà Nội với Công ty C như theo nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Theo Biên bản đối chiếu công nợ giữa Công ty T Hà Nội và Công ty C thì tính đến ngày 07/9/2017 Công ty C xác nhận còn nợ Công ty T Hà Nội số tiền gốc là: 239.433.330 đồng. Sau đó Công ty C đã trả được một phần số nợ, hiện còn 199.433.330 đồng nợ gốc chưa thanh toán cho Công ty T Hà Nội.

Nay Công ty C xác định sẽ có trách nhiệm xây dựng lộ trình trả số tiền 199.433.330 đồng nợ gốc chưa thanh toán cho Công ty T Hà Nội và đề nghị Tòa án hòa giải. Đồng thời, do điều kiện kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty C đang gặp khó khăn nên không chấp nhận thanh toán số tiền lãi quá hạn trên số sư nợ gốc như nguyên đơn yêu cầu.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về cách xác định số tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng là tính theo mức lãi suất là 20%/năm trên số tiền gốc chậm trả và xuất trình bảng chi tiết công nợ và lãi chậm trả của Công ty C tính đến ngày 14/5/2019, theo đó yêu cầu:

Buộc Công ty C phải có trách nhiệm thanh toán các khoản:

Nợ gốc: 199.433.330 đồng.

Nợ lãi tính đến ngày 14/5/2019 là 73.398.636 đồng theo mức lãi suất 20%/năm.

Người đại diện hợp pháp của Công ty C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa sau khi nhận xét, đánh giá quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và sự chấp hành pháp luật của các đương sự đã xác định:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đã theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm tố tụng. Nguyên đơn chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tuy nhiên bị đơn không chấp hành, Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không thực hiện các giấy triệu tập của Tòa án.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty T Hà Nội. Buộc Công ty C phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất 20%/năm mà nguyên đơn yêu cầu tương ứng với thời gian chậm trả.

+ Về án phí: Vụ án áp dụng án phí có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp trong vụ án này phát sinh từ Hợp đồng kinh tế giữa hai công ty là hai pháp nhân. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty C có sự thay đổi về người đại diện theo pháp luật. Theo đó bà Nguyễn Thúy Quỳnh thay ông Trần Nhật Hoàng làm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty C. Tại Khoản 1 Điều 87 Bộ luật dân sự 2015, "Pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diệc xác lập, thực hiện nhân danh pháp nhân". Việc Công ty C thay đổi người đại diện theo pháp luật không làm thay đổi quyền, nghĩa vụ của Công ty C trong vụ án này.

Bị đơn Công ty C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng và hòa giải nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty C không có mặt, chỉ có bản tự khai ngày 26/3/2019 gửi Tòa án. Khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty C nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty C cũng không đến Tòa án để tham gia phiên tòa. Lần vắng mặt này của Công ty C là lần thứ hai, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với Công ty C theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về Hợp đồng kinh tế số 03/09/2017 HĐKT-VTHN-C ngày 03/9/2017: Công ty T Hà Nội và Công ty C có đầy đủ tư cách pháp nhân, tham gia giao kết Hợp đồng kinh tế để thực hiện hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực kinh doanh đã đăng ký, các bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Các điều khoản thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng kinh tế không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó Hợp đồng kinh tế số 03/09/2017 HĐKT-VTHN-C ngày 03/9/2017 là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu trả nợ gốc:

Theo Biên bản đối chiếu công nợ giữa Công ty T Hà Nội và Công ty C ngày 07/9/2017 thì tính đến ngày 07/9/2017 Công ty C còn nợ Công ty T Hà Nội số tiền gốc là: 239.433.330 đồng.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, Công ty T Hà Nội xác định Công ty C đã trả thêm được các khoản nợ gốc:

Ngày 27/4/2018, số tiền thanh toán: 20.000.000 đồng.

Ngày 29/6/2018, số tiền thanh toán: 10.000.000 đồng.

Ngày 14/8/2018, số tiền thanh toán: 10.000.000 đồng.

Tổng cộng: 40.000.000 đồng. Còn 199.433.330 đồng nợ gốc chưa thanh toán.

Tại bản tự khai ngày 26/3/2019, bị đơn Công ty C cũng xác nhận tính đến ngày 07/9/2017 Công ty C còn nợ Công ty T Hà Nội số tiền gốc là: 239.433.330 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên. Sau đó Công ty C đã trả được một phần số nợ gốc, hiện còn 199.433.330 đồng nợ gốc chưa thanh toán cho Công ty T Hà Nội.

Do vậy, yêu cầu buộc Công ty C phải thanh toán số tiền nợ gốc 199.433.330 đồng của Công ty T Hà Nội là có căn cứ và được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Theo thoả thuận trong Hợp đồng kinh tế số 03/09/2017 HĐKT-VTHN-C ngày 03/9/2017 giữa hai bên thì nếu đến hạn thanh toán mà bên A (Công ty C) chưa thanh toán gọn công nợ là vi phạm hợp đồng và phải chịu lãi suất quá hạn là 0,06%/ngày trong suốt thời gian quá hạn. Mức lãi suất này tính theo năm là 21,9%/năm.

Mức lãi suất quá hạn của nguyên đơn yêu cầu đối với số tiền nợ gốc chậm thanh toán tại phiên tòa là 20%/năm, đây là mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 chứ không phải lãi suất hai bên thỏa thuận. Mặc dù mức lãi suất này thấp hơn mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế là 21,9%/năm và không vượt quá lãi suất theo Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nhưng tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp kinh doanh thương mại. Pháp luật thương mại đã có quy định riêng tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005: *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".*

Tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có quy định: "*Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định*

khác”. Trên có sở đó, Tòa án đã tiến hành thu thập biểu mức lãi suất quá hạn của ba ngân hàng trên địa bàn huyện A. Theo đó, căn cứ trên mức mức lãi suất cho vay trung, dài hạn:

+ Mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam áp dụng là: 10,5% x 150% = 15,75%/năm.

+ Mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam áp dụng là: 10,5% x 140% = 14,7%/năm.

+ Mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam áp dụng là: 10% x 130% = 13%/năm.

Như vậy mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán bằng 14,5%/năm, tương đương 0,04%/ngày.

Theo quy định của pháp luật như viện dẫn ở trên thì mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu tại phiên tòa là 20%/năm cao hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán bằng 14,5%/năm. Do đó phần lãi suất quá hạn mà nguyên đơn yêu cầu vượt quá 14,5%/năm không được chấp nhận.

Cụ thể, số tiền lãi quá hạn được tính như sau:

+ Từ 07/9/2017 đến 27/4/2018 (232 ngày), số dư nợ gốc 239.433.330 đồng. Lãi quá hạn: 239.433.330 đồng x 0,04% x 232 = 22.219.413 đồng.

+ Từ 27/4/2018 đến 29/6/2018 (63 ngày), số dư nợ gốc 219.433.330 đồng. Lãi quá hạn: 219.433.330 đồng x 0,04% x 63 = 5.529.719 đồng.

+ Từ 29/6/2018 đến 14/8/2018 (46 ngày), số dư nợ gốc 209.433.330 đồng. Lãi quá hạn: 209.433.330 đồng x 0,04% x 46 = 3.853.573 đồng.

+ Từ 14/8/2018 đến 14/5/2019 (273 ngày), số dư nợ gốc 199.433.330 đồng. Lãi quá hạn: 199.433.330 đồng x 0,04% x 273 = 21.778.119 đồng.

Tổng cộng: 53.380.824 đồng.

Số tiền lãi quá hạn không chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn là: 73.398.636 đồng - 53.380.824 đồng = 20.017.812 đồng.

Như vậy bị đơn có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (14/5/2019) gồm các khoản:

Nợ gốc: 199.433.330 đồng.

Nợ lãi tính đến ngày 14/5/2019 là 53.380.824 đồng.

Tổng cộng: **252.814.154** đồng.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần tiền lãi không được Tòa án chấp nhận là 20.017.812 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 24, Điều 4, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 1 Điều 30, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Luật Thi hành án dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

Buộc Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và C xây dựng C phải thanh toán cho Công ty cổ phần vật tư T Hà Nội tổng số tiền tính đến ngày 14/5/2019 là:

Nợ gốc: 199.433.330 đồng.

Nợ lãi: 53.380.824 đồng.

Tổng cộng: **252.814.154** (hai trăm năm mươi hai triệu, tám trăm mười bốn nghìn, một trăm năm mươi tư) đồng.

Không chấp nhận đối với yêu cầu phần tiền lãi chậm trả 20.017.812 đồng vượt quá quy định của Công ty cổ phần vật tư T Hà Nội.

Kể từ ngày 15/5/2019, Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng C còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn trên số dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất quá hạn trên thị trường tại thời điểm thanh toán cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng C phải chịu 12.640.707 (mười hai triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn, bẩy trăm linh bẩy) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty cổ phần vật tư T Hà Nội phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.356.000 (sáu triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008256 ngày 15/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Công ty cổ phần vật tư T Hà Nội được trả lại 3.356.000 (ba triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

Án xử công khai sơ thẩm Công ty cổ phần vật tư T Hà Nội có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND huyện A;*
- *Tòa án ND TP. Hà Nội;*
- *THA huyện A;*
- *Lưu HSơ vụ án./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Triệu Thúy Hà